TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/LĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q,TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Túc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư
2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q,TỈNH N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST-LĐ ngày 14/01/2019 về việc: "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2019/QĐXXST-LĐ ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Tá L, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 17, phường Q, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 16, phường Chánh Lộ, thành phố Q, tỉnh N; bà Thủy có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tổng hợp V; địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Quảng Phú, phường Q, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Thanh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Bình vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh N; địa chỉ: Số 8 Cao Bá Quát, phường N, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội tỉnh N: Ông S – Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh N: Ông Lê Thành V – chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ Bảo hiểm xã hội tỉnh N theo Giấy ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23/10/2019. Ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/6/2019, bản tự khai 07/3/2019, bản tự khai ngày 14/8/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 06/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bên nguyên đơn ông Bùi Tá L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Ông Bùi Tá L bắt đầu ký hợp đồng lao động và có thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần Tổng hợp V từ tháng 9/1995 đến ngày 20/11/2015 ông Bùi Tá L có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần Tổng hợp V. Ngày 25/11/2015 Công ty Cổ phần Tổng hợp V, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị ra Quyết định số 328/QĐ - HĐQT - VP về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Bùi Tá L kể từ ngày 01/12/2015. Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 V không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp cho ông L mặc dù hàng tháng đơn vị vẫn trừ 10,5% tiền lương của ông L.

Trong đơn khởi kiện ban đầu ngày 20/12/2018, nguyên đơn trình bày từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 Công ty Cổ phần Tổng hợp V vẫn chưa đóng các loại bảo hiểm tại cơ quan Bảo hiểm xã hộiTỈNH N cho ông L cụ thể: bảo hiểm xã hội 22.023.197 đồng; bảo hiểm y tế 450.821 đồng; bảo hiểm thất nghiệp 471.918 đồng; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 44.337 đồng. Tổng cộng: 22.990.273 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải đóng bảo hiểm các khoản trên cho ông L tại cơ quan Bảo hiểm xã hộiTỈNH N để Bảo hiểm xã hộiTỈNH N chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho ông L không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26/6/2019, ông Bùi Tá L có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông L số tiền là 8.514.937 đồng (lãi tính đến ngày 30/6/2018).

Ngày 30/10/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần Tổng hợp V đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty Cổ phần Tổng hợp V chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và khoản nợ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trước đây hai khoản bảo hiểm này gọi chung là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 mới tách ra là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp). Nên tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải đóng bảo hiểm cho ông Bùi Tá L đến ngày 31/10/2019 tổng cộng là 35.489.806 đồng trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 22.067.534 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 1.485.110 đồng, lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2019 là 11.973.162 đồng và lãi

phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Bùi Tá L để Bảo hiểm xã hội TỈNH N chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho ông L.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tổng hợp V, người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Thanh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị không có văn bản trình bày ý kiến, đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N là ông Lê Thành V trình bày:

Có sự thay đổi trong lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hộiTỈNH N gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Q về số tiền chưa đóng nợ gốc các khoản bảo hiểm và lãi của Công ty Cổ phần Tổng hợp V đối với ông Bùi Tá L là vì: Bên Công ty Cổ phần Tổng hợp Việt Phú đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến 30/6/2018 để làm cơ sở cho nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Bảo hiểm xã hộiTỈNH N xác định số nợ gốc của các lao động mà Công ty Cổ phần Tổng hợp V còn nợ lại chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước đây 02 khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 hai khoản bảo hiểm này mới được tách ra) và Qũy bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội, việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, về sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của ông Bùi Tá L có số sổ Bảo hiểm xã hội 3596018342, Bảo hiểm xã hội tỉnh N xác định Công ty Cổ phần Tổng hợpV chưa đóng bảo hiểm cho ông Bùi Tá L tổng cộng là 35.489.806 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 22.067.534 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là: 1.485.110 đồng, lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2019 là: 11.973.162 đồng. Để cơ quan Bảo hiểm xã hội có cơ sở xác nhận (chốt) thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp trong sổ bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông L theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty cổ phần tổng hợp V phải có trách nhiệm đóng đủ số tiền còn nợ bảo hiểm xã hội cho ông L tổng cộng tiền gốc là 22.067.534 đồng, tiền nợ lãi là 13.422.272 đồng (lãi tính đến ngày 31/10/2019) tổng cộng là 35.489.806 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho ông L để Bảo hiểm xã hội xác nhận được sổ bảo hiểm xã hội cho ông L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Q phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác

minh thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nhận chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnhN không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nhận chứng cứ và hòa giải. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Tá L yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V (sau đây gọi tắt là V) có trụ sở chính tại phường Q, thành phố Q, tỉnh N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng theo quy định của pháp luật cho ông L tại cơ quan Bảo hiểm xã hộiTỈNH N. Tòa án nhân dân thành phố Q đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp" theo điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 30/10/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm y tế và khoản bảo hiểm thất nghiệp vì bị đơn đã đóng xong tại Bảo hiểm xã hội tỉnh N chỉ yêu cầu bên bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm chậm đóng còn lại là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (hai khoản bảo hiểm này trước đây gọi chung là bảo hiểm xã hội đến tháng 7/2016, hai khoản bảo hiểm này mới được tách ra là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) và yêu cầu tính lãi chậm đóng. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp bảo hiểm xã hội".

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tổng hợp V là ông Lê Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của V và không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Ông Bùi Tá L bắt đầu ký hợp đồng lao động và có thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần Tổng hợp V từ tháng 9/1995 đến ngày 20/11/2015 ông Bùi Tá L có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần Tổng hợp V. Ngày 25/11/2015 Công ty Cổ phần Tổng hợp V, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị ra Quyết định số 328/QĐ – HĐQT - VP về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Bùi Tá L kể từ ngày 01/12/2015. Tại Điều 3 của Quyết định số 328/QĐ – HĐQT- VP ngày 25/11/2015 có xác định: " ông L đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật nên các chế độ chính sách được giải quyết theo quy định của pháp luật Nhà nước hiện hành và được Công ty Cổ phần Tổng hợp V chi trả trợ cấp thôi việc". Ông L có nghề: PP điều độ sản xuất. Theo đó, quyền lợi được hưởng, tiền lương chính và lương sản phẩm, phụ cấp các bên có trách nhiệm trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 4, 91, 92, 94 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Tuy nhiên, sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty Cổ phần V vẫn không thanh toán đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho ông Bùi Tá L.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh T rút một phần yêu cầu khởi kiện không khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ bảo hiểm chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều thống nhất và thừa nhận Công ty Cổ phần Tổng hợp V đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty Cổ phần Tổng hợp V chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và khoản nợ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước đây hai khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 hai khoản này mới tách ra). Nên tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải đóng bảo hiểm cho ông Bùi Tá L đến ngày 31/10/2019 tổng cộng là 35.489.806 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 22.067.534 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 1.485.110 đồng, lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2019 là 11.973.162 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Bùi Tá L để Bảo hiểm xã hội tỉnh N chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho ông L. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không

yêu cầu bị đơn phải đóng hai khoản tiền nợ bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là phù hợp với Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội 22.067534 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào văn bản trình bày của Bảo hiểm xã hội tỉnh N cung cấp, Công ty Cổ phần Tổng hợp V đã đăng ký khai đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông L tại cơ quan Bảo hiểm xã hộiTỈNH N số sổ 3596018342 giai đoạn từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 V chậm đóng là 22.067.534 đồng. Công ty Cổ phần Tổng hợp V đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho ông L tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N và đã trích thu nhập hàng tháng của ông L nhưng không đóng đầy đủ đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho ông L là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 4 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại các khoản 1, 4 Điều 14, Điều 134 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Việc ông L khởi kiện Công ty Cổ phần Tổng hợp V là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như trên cho ông L tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N với tổng số tiền nợ gốc bảo hiểm xã hội là 22.067.534 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của bên nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng số tiền lãi chậm đóng trên số nợ gốc bảo hiểm xã hội 22.067.534 đồng từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 là 1.485.110 đồng, lãi từ tháng 12/2015 đến tháng 10/2019 là 11.973.162 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Bùi Tá L. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do V chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho ông L nên V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến tháng 31/10/2019 và tiếp tục tính lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh kể từ tháng 11/2019 theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải chịu 1.064.694 đồng án phí lao động sơ thẩm. Xét đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí của ông Bùi Tá L ngày 20/12/2018, Hội đồng xét xử xét thấy ông L là người lao động khởi kiện đòi khoản tiền bảo hiểm xã hội đối với người sử dụng lao động là Công ty cổ phần tổng hợp V nên căn cứ vào Điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L miễn nộp án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, 14, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 1379/BHXH – BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tá L về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần Tổng hợp V đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Bùi Tá L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tá L đối với Công ty Cổ phần Tổng hợp V, buộc Công ty Cổ phần Tổng hợp V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho ông Bùi Tá L tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 22.067.534 đồng và chịu lãi chậm đóng bảo hiểm được tính đến tháng 10/2019 số tiền 13.422.272 đồng, tổng cộng là 35.489.806 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi chín tám trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ tháng 11/2019, Công ty Cổ phần Tổng hợp V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng phát sinh trên số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 22.067.534 đồng cho ông Bùi Tá L theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Tổng hợp V phải chịu 1.064.694 đồng (Một triệu không trăm sáu bốn nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Ông Bùi Tá L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, ông L đã được Tòa án miễn tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc